

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2013/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 11 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí phân loại
thôn, xóm, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 223 /TTr-SNV ngày 17 tháng 10 năm 2013 về việc ban hành Quyết định ban hành quy định tiêu chí phân loại thôn, xóm, bản, tổ dân phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí phân loại thôn, xóm, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2013.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Bộ Nội vụ; (Báo
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; cáo)
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 2 (thi hành);
- TT các Huyện ủy; Thành ủy;
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



Châu Văn Lâm

QUY ĐỊNH

Tiêu chí phân loại thôn, xóm, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2013/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mục đích, nguyên tắc, loại và tiêu chí phân loại, phương pháp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục phân loại thôn, tổ dân phố.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với thôn, xóm, bản ở xã (gọi chung là thôn), tổ dân phố ở phường, thị trấn (gọi chung là tổ dân phố) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Mục đích phân loại thôn, tổ dân phố

Làm cơ sở để quản lý và thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình.

2. Các yếu tố đặc thù gồm: tỷ lệ người dân tộc thiểu số; tỷ lệ tín đồ tôn giáo; yếu tố trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự; yếu tố đặc biệt khó khăn.

Điều 4. Loại thôn, tổ dân phố

Thôn, tổ dân phố được phân thành 03 loại, cụ thể như sau:

1. Thôn, tổ dân phố loại 1

2. Thôn, tổ dân phố loại 2

3. Thôn, tổ dân phố loại 3

Điều 5. Phương pháp phân loại

Phân loại thôn, tổ dân phố bằng phương pháp tính điểm, cách tính điểm như sau:

1. Điểm về quy mô số hộ gia đình

a) Đối với thôn: Từ 100 hộ trở xuống được tính 70 điểm; trên 100 hộ cứ tăng 10 hộ được tính thêm 02 điểm.

b) Đối với tổ dân phố: Từ 150 hộ trở xuống được tính 70 điểm; trên 150 hộ cứ tăng 10 hộ được tính thêm 02 điểm.

Số hộ được tính điểm đối với thôn, tổ dân phố gồm những hộ có đăng ký thường trú, tạm trú từ một năm trở lên tính đến thời điểm lập hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố và do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) cung cấp.

c) Công thức tính điểm đối với thôn có trên 100 hộ và tổ dân phố có trên 150 hộ.

$$\text{Đh} = \frac{h1 - h0}{10} \times 2 + 70$$

Trong đó:

Đh: Là điểm số hộ cần tính;

h1: Là số hộ hiện có;

h0: Là số hộ của đầu khung (thôn là 100 hộ, tổ dân phố là 150 hộ).

2. Điểm về các yếu tố đặc thù

a) Thôn, tổ dân phố có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 30% đến 50% dân số được tính 05 điểm, chiếm trên 50% dân số được tính 10 điểm.

Tỷ lệ người dân tộc thiểu số là số nhân khẩu người dân tộc thiểu số so với tổng số nhân khẩu thôn, tổ dân phố. Tổng số nhân khẩu của thôn, tổ dân phố bao gồm nhân khẩu đã có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú thường xuyên từ một năm trở lên và do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp tính đến thời điểm lập hồ sơ phân loại.

b) Thôn, tổ dân phố có tỷ lệ tín đồ tôn giáo chiếm từ 30% đến 50% dân số được tính 05 điểm, chiếm trên 50% dân số được tính 10 điểm.

Tỷ lệ tín đồ tôn giáo là tổng số tín đồ tôn giáo (thuộc các tôn giáo được cơ quan có thẩm quyền công nhận) so với tổng số nhân khẩu của thôn, tổ dân phố và do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp tính đến thời điểm lập hồ sơ phân loại.

c) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự được tính 10 điểm.

d) Thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn được tính 10 điểm.

3. Số điểm để phân loại từng thôn, tổ dân phố là tổng số điểm của các tiêu chí quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Khung điểm phân loại

a) Thôn, tổ dân phố loại 1 có từ 100 điểm trở lên.

b) Thôn, tổ dân phố loại 2 có từ 85 điểm đến dưới 100 điểm.

c) Thôn, tổ dân phố loại 3 có dưới 85 điểm.

Điều 6. Trình tự, thủ tục, thời gian và thẩm quyền phân loại thôn, tổ dân phố

1. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày triển khai lập thủ tục hồ sơ phân loại, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thành hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chậm nhất 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của tài liệu, số liệu trong hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*gửi Sở Nội vụ để thẩm định*).

3. Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 7. Hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố

1. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Biểu thống kê về số hộ, số nhân khẩu, tỷ lệ người dân tộc thiểu số, tỷ lệ tín đồ tôn giáo (mẫu số 01).

c) Biểu tổng hợp tính điểm các tiêu chí và dự kiến phân loại (mẫu số 02).

d) Văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã về việc phân loại thôn, tổ dân phố.

2. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo biểu tổng hợp kết quả dự kiến phân loại thôn, tổ dân phố (mẫu số 03).

b) Hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo quy định tại khoản 1 Điều này).

c) Tờ trình của Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố

1. Sau 03 năm kể từ ngày quyết định phân loại thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố.

2. Trường hợp thành lập mới thôn, tổ dân phố; chuyển thôn thành tổ dân phố hoặc có sự thay đổi lớn về quy mô số hộ, các yếu tố đặc thù làm thay đổi loại thôn, tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh loại thôn, tổ dân phố.

3. Trường hợp thôn, tổ dân phố sau khi có quyết định đổi tên của cấp có thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phân loại thôn, tổ dân phố theo tên mới đổi (không phải thực hiện phân loại lại thôn, tổ dân phố).

4. Việc tiến hành điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo Quy định này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra và thực hiện Quy định này; quản lý hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản (*gửi Sở Nội vụ tổng hợp*) để xem xét, chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Châu Văn Lâm

UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 01

BIỂU THÔNG KÊ TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ
(Kèm theo Tờ trình số /TTtr-UBND ngày .. tháng .. năm.. của Ủy ban nhân dân...)

Số TT	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ	Số nhân khẩu	Yếu tố đặc thù						Ghi chú
				Dân tộc		Tôn giáo		Thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự	Thôn đặc biệt khó khăn	
				Số nhân khẩu	Tỷ lệ (%)	Số nhân khẩu	Tỷ lệ (%)			
1	2	4	5	6	7=6/5	8	9=8/5	10	11	12
1	Thôn A	78	375	275	0,73	20	0,05	x	x	
2										
3										
4										
5										
6										
...										
Tổng cộng										

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng.... năm 201.....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ
TRẦN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 02

BIỂU THỐNG KÊ TỔNG HỢP TÍNH ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ VÀ PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân...)

Số TT	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ	Số nhân khẩu	Yếu tố đặc thù					Điểm					Dự kiến phân loại	Tổng số điểm	Ghi chú
				Tỷ lệ dân tộc ít người (%)	Tỷ lệ tín đồ tôn giáo (%)	Thôn thuộc trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự	Thôn đặc biệt khó khăn	Tính theo số hộ	Tính theo tỷ lệ dân tộc ít người	Tính theo tỷ lệ tín đồ tôn giáo	Tính thôn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự	Tính theo thôn đặc biệt khó khăn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Thôn B	78	375	0,73	0,05	x	x									
2																
3																
4																
5																
6																
...																
	Tổng cộng															

Tổng số gồm: ... thôn, tổ dân phố, trong đó: Loại 1: ...
Loại 2: ...

Tổng số gồm: ... thôn, tổ dân phố, trong đó: Loại 1:

Loại 2:

Loại 3:

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TÍNH ĐIỂM PHÂN LOẠI THÔN, TỎ DÂN PHỐ
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân...)

Số TT	Tên đơn vị	Số hộ	Số nhân khẩu	Yếu tố đặc thù					Điểm					Tổng số điểm	Dự kiến phân loại	Ghi chú
				Tỷ lệ dân tộc ít người (%)	Tỷ lệ tín đồ tôn giáo (%)	Thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự	Thôn đặc biệt khó khăn	Tính theo số hộ	Tính theo tỷ lệ dân tộc ít người	Tính theo tỷ lệ tín đồ tôn giáo	Tính theo thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự	Tính theo thôn đặc biệt khó khăn				
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
I	Xã....															
1	Thôn A															
2	Thôn B															
3	...															
II	Xã....															
1																
2																
	Tổng cộng															

Tổng số gồm: ... thôn, tổ dân phố, trong đó: Loại 1: ...
Loại 2: ...
Loại 3: ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)